TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 49/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30/9/2024
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ - TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Ông Hà Toàn Thắng.
- *Hội thẩm nhân dân*: Ông Trần Ngọc Ánh, bà Phạm Thị Hải Yến,
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Liên.
- *Đại diện VKSND huyện Vũ Thư tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vũ Thư, xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 85/2024/HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐST- HNGĐ ngày 23/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị A**, sinh năm 2000 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh **Trần Đình H**, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn (chị Vũ Thị A) trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị A kết hôn với anh Trần Đình H do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 25/02/2023 tại UBND xã T, huyện V, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến tháng 8/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, cãi vã nhau nên không còn tình cảm với nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 6/2024 đến nay. Chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị A và anh H không có con chung, nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh H trình bày: Anh thừa nhận thời gian kết hôn như chị A đã trình bày là đúng. Về mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, nên chị A tự bỏ về bên ngoại. Nay chị A xin ly hôn là do chị tự ý chứ không phải do anh, vì vậy anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh T đã cung cấp như sau:

Chị A kết hôn với anh H do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 25/02/2023 tại UBND xã T, huyện V, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến tháng 6/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm. Vợ chồng ly thân từ tháng 6/2024 đến nay. Chị A xin ly hôn anh H thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì khả năng đoàn tụ của anh chị là khó khăn, khó quay về với nhau.

Về con chung: Chị A và anh H không có con chung.

Về tài sản: Chị A và anh H không có tài sản chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vphát biểu tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Đã chấp hành một phần quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung đại diệnViện kiểm sát đề nghị hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị A được ly hôn anh Trần Đình H.
- Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết.
- Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.
- Về án phí: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị A có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh H cư trú tại xã T, huyện V, tỉnh T. Theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện V.

Tại phiên tòa chị A có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị A kết hôn với anh Trần Đình H do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 25/02/2023 tại UBND xã T, huyện V, tỉnh T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến tháng 8/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, cãi vã nhau nên không còn tình cảm với nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 6/2024 đến nay. Anh H không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và anh cũng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy cần xử cho chị A được ly hôn anh H là phù hợp quy định của luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản: Chị A và anh H đều không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1/ Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị A được ly hôn anh Trần Đình H.

2/ Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

3/ Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Vũ Thị A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Vũ Thị A đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0001689 ngày 17/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, thành án phí).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Hà Toàn Thắng

Nơi nhận:
- *VKSND huyện V;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THA huyện V;*
- *UBND xã T, huyện V;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*